

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2011

1/2/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		878.058.473.795	1.761.505.805.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	6.469.563.614	15.070.108.688
1. Tiền	111		6.469.563.614	15.070.108.688
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		279.410.436.565	1.232.789.078.167
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	279.410.436.565	1.232.789.078.167
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.369.470.366	436.628.028.894
1. Phải thu của khách hàng	131		44.022.032.035	-
2. Trả trước cho người bán	132	7	93.677.038.305	345.568.879.085
3. Các khoản phải thu khác	135		415.670.400.026	91.059.149.809
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.809.003.250	77.018.589.808
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.406.964	2.151.828
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.377.431.962	73.137.527.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	4.212.962.224	3.628.910.130
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		217.202.100	250.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.193.322.376.097	9.741.255.033.271
I. Tài sản cố định	220		10.188.759.449.763	8.810.786.839.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.320.089.372	6.765.642.408
- Nguyên giá	222		10.394.640.678	10.394.640.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.074.551.306)	(3.628.998.270)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	10.182.439.360.391	8.804.021.197.386
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	11.140.000.000	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
II. Tài sản dài hạn khác	260		993.422.926.334	919.328.193.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	993.422.926.334	919.328.193.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.071.380.849.892	11.502.760.838.828

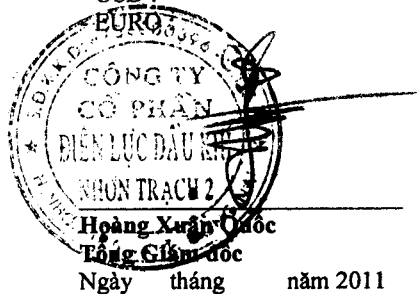
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011


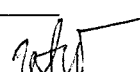
Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.218.830.781.818	8.726.646.205.213
I. Nợ ngắn hạn	310		1.369.239.329.073	1.668.956.916.914
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	65.073.800.324	1.067.363.731.610
2. Phải trả người bán	312		923.224.374.272	589.018.115.546
3. Người mua trả tiền trước	313			-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	161.068.051	151.187.043
5. Phải trả người lao động	315		1.365.510.186	2.377.699.871
6. Chi phí phải trả	316		376.605.008.770	6.585.060.143
7. Các khoản phải trả khác	319		194.776.068	551.581.299
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.614.791.402	2.909.541.402
II. Nợ dài hạn	330		8.849.591.452.745	7.057.689.288.299
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	8.844.944.519.552	7.053.042.355.106
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		1.852.550.068.074	2.776.114.633.615
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.852.550.068.074	2.776.114.633.615
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		163.455.502.290	163.455.502.290
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(916.457.626.933)	6.541.765.513
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.930.478.253	17.930.478.253
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		27.621.714.464	28.186.887.559
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.071.380.849.892	11.502.760.838.828

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

I. Ngoại tệ các loại:	31/03/2011	01/01/2011
- USD:	34.063,72	38.996,29
- EURO:	63.530,52	147.449,08


Hoàng Xuân Quốc
 Tổng Giám đốc
 Ngày tháng năm 2011


Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng 

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1 năm 2011


MẪU B 02-DN

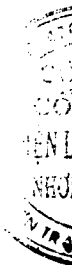
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	6.542.035.524	40.578.582.313
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(5.583.955.784)	(3.714.273.489)
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		958.079.740	36.864.308.824
4. Thu nhập khác	31		-	-
5. Chi phí khác	32		-	-
6. Lợi nhuận khác	40		-	-
7. Lợi nhuận trước thuế	50		958.079.740	36.864.308.824
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	(239.519.935)	(9.217.057.206)
9. Lợi nhuận sau thuế	60		718.559.805	27.647.251.618



Nguyễn Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày tháng năm 2011


Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Số	
		Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	958.079.740	36.864.308.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	318.514.967	324.117.651
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.542.035.524)	(40.578.582.313)
3. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.265.440.817)	(3.390.155.838)
Tăng các khoản phải thu	09	(240.730.289.468)	15.507.240.085
Tăng các khoản phải trả	11	352.101.840.786	4.572.430.049
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(72.041.538.167)	(222.413.621.120)
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.577.990.380)	(4.975.336.149)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(823.572.029)	(1.985.586.223)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.855.819.289)	(490.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.807.190.636	(213.175.629.196)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(874.558.662.261)	(112.339.481.107)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(29.200.181.764)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	953.378.641.602	747.325.085.026
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	-	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	3.452.209.663	40.578.582.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	82.272.189.004	646.364.004.468
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	957.189.763.868	105.972.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.072.105.322.134)	(538.350.139.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(114.915.558.266)	(432.378.139.880)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.836.178.626)	810.235.392
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	15.070.108.688	1.218.594.514.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	235.633.552	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	6.469.563.614	1.219.404.750.342

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011



Hàng Xếp Quốc

Tổng Giám đốc

tháng năm 2011

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 20 tháng 11 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 là 111 người .

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; nhập khẩu nhiên liệu và thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	6 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay tín dụng xuất khẩu, chi phí bảo trì bảo dưỡng, lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí kể trên được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu”. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Đối với tài khoản có số dư bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ là Đô la Mỹ được đánh giá theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/03/2011 là: USD/VNĐ: 20.703

Đối với tài khoản có số dư bằng tiền, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ là Euro được đánh giá theo tỉ giá bán ra của sở giao dịch ngân hàng nhà nước tại ngày 31/03/2011 là: EURO/VNĐ: 29.562

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2011	01/01/2011
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	73.084.210	164.072.370
Tiền gửi ngân hàng	6.396.479.404	14.906.036.318
	6.469.563.614	15.070.108.688

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/03/2011	01/01/2011
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	166.348.483.036	163.131.078.167
Ủy thác quản lý vốn	113.061.953.529	1.069.658.000.000
	279.410.436.565	1.232.789.078.167

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với mức lãi suất từ 0.96 % đến 1.167% / tháng

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường ống của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước thể hiện khoản chênh lệch phần thuế Thu nhập Doanh nghiệp tạm tính hàng quý trong năm 2010 với phần thuế Thu nhập Doanh nghiệp tính cho thu nhập trước thuế tính cho cả năm 2010.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	9.086.014.445	1.308.626.233	10.394.640.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tăng	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/03/2011	<u>9.086.014.445</u>	<u>1.308.626.233</u>	<u>10.394.640.678</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2011	(2.721.658.890)	(907.339.380)	(3.628.998.270)
Khấu hao trong kỳ	(368.240.937)	(77.312.099)	(445.553.036)
Tại ngày 31/03/2011	<u>(3.089.899.827)</u>	<u>(984.651.479)</u>	<u>(4.074.551.306)</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/03/2011	<u>5.996.114.618</u>	<u>323.974.754</u>	<u>6.320.089.372</u>
Tại ngày 01/01/2011	<u>6.364.355.555</u>	<u>401.286.853</u>	<u>6.765.642.408</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	8.804.021.197.386	1.838.792.742.641
Tăng	1.378.418.163.005	6.965.228.454.745
Tại ngày 31 tháng 03 và 31 tháng 12	<u>10.182.439.360.391</u>	<u>8.804.021.197.386</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay được vốn hóa và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường găng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

Theo nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 18 tháng 03 năm 2011 của Hội Đồng Quản Trị Công ty, chênh lệch giữa doanh thu tiền điện và các chi phí bán điện phát sinh trước ngày cấp PAC (Chứng chỉ chấp nhận tạm thời) cho chu trình hỗn hợp Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 được ghi nhận tăng/giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tính đến 31 tháng 03 năm 2011 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011	2010
	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	919.328.193.477	14.431.091
Tăng	92.717.422.523	921.083.963.023
Phân bổ vào chi phí trong năm	(18.622.689.666)	(1.770.200.637)
Tại ngày 31 tháng 03 và 31 tháng 12	<u>993.422.926.334</u>	<u>919.328.193.477</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

- Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng xuất khẩu: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22/07/2010 và 23/07/2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

- Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

100.000 EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại.

- Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/03/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	41.415.390.848	1.046.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>23.658.409.476</u>	<u>20.763.731.610</u>
Tổng	<u>65.073.800.324</u>	<u>1.067.363.731.610</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư. Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 bao gồm 41.415.390.848 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương – Chi nhánh Sài Gòn (Hợp đồng số 003/2010/HĐTĐ1-OCEANBANK03-PGD.Q7.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/03/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	<u>161.068.051</u>	<u>151.187.043</u>
	<u>161.068.051</u>	<u>151.187.043</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>
	VNĐ
Vay dài hạn	<u>8.844.944.519.552</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/12/2011. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 5,33%/năm và sẽ được điều chỉnh 6 tháng 1 lần bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank HCM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã rút 8.002.982,29 Euro .

Hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu được ký kết ngày 22 tháng 7 năm 2010 (HERMES Facility và CIRR Facility) và ngày 23 tháng 07 năm 2010 (Nexi untied Facility) giữa Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 và các Ngân hàng tài trợ và Citibank là đại lý. Các khoản vay tín dụng xuất khẩu được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Khoản tín dụng xuất khẩu có thời gian ân hạn đến ngày 1 tháng 12 năm 2011. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. DOANH THU TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng và các khoản Ủy thác quản lý vốn tại các tổ chức tài chính.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/03/2011		31/12/2010	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

30
NG
PE
CC
NTR
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
 Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

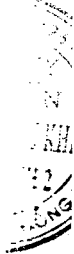
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	2.560.000.000.000	-	123.934.916.030	11.140.000.000	175.499.315.320	2.870.574.231.350
Vốn đã góp	-	-	-	-	-	1.015.234.500.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(117.393.150.517)	-	-	(117.393.150.517)
Phân bổ từ lợi nhuận	-	163.455.502.290	-	6.790.478.253	(178.954.315.320)	(8.708.334.777)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	31.641.887.559	31.641.887.559
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.560.000.000.000	163.455.502.290	6.541.765.513	17.930.478.253	28.186.887.559	2.776.114.633.615
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(922.999.392.446)	-	-	(922.999.392.446)
Phân bổ từ lợi nhuận	-	-	-	-	(1.283.732.900)	(1.283.732.900)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	718.559.805	718.559.805
Số dư tại ngày 31/03/2011	2.560.000.000.000	163.455.502.290	(916.457.626.933)	17.930.478.253	27.621.714.464	1.852.550.068.074



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Quý 1 năm 2011</u> VND	<u>Quý 1 năm 2010</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	958.079.740	36.864.308.824
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	3.920.000
Thu nhập chịu thuế	958.079.740	36.868.228.824
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	239.519.935	9.217.057.206
Giảm trừ thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	239.519.935	9.217.057.206

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.